TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023.
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui.

2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Chí T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A, đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Chí T trình bày: Anh T và chị T1 do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một khoảng thời gian đầu nhưng thời gian đầu năm 2023 đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn mất hạnh phúc do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T1 để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: anh và chị T1

không có con chung. Về tài sản chung: anh và chị T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 28/6/2023 bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 trình bày: chị cũng thống nhất với nội dung đơn ly hôn của anh T. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên, người thân, bạn bè khuyên giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Chị T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung: chị và anh T không có con chung. Về tài sản chung: chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Đặng Chí T và bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Chí T và chị Trần Thị Ngọc T1 trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2022. Xét thấy, hôn nhân của anh T và chị T1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh T và chị T1 có thời gian sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc anh T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T1 đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau để mỗi người có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: anh T và chị T1 là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: anh T và chị T1 đều thống nhất trình bày là không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: anh T và chị T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh T và chị T1 đều thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh T phải chịu do anh T yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Đặng Chí T và chị Trần Thị Ngọc T1.

Về con chung: anh T và chị T1 đều thống nhất trình bày là không có con chung nên không đề cập.

Về tài sản chung: anh T và chị T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: anh T và chị T1 đều thống nhất trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Đặng Chí T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005212 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên anh không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (số 211/2022, ngày 21/11/2022);
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt